TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2018
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Văn Thanh

2/- Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện V/v tranh chấp xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/3/2018, biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào ngày 07/10/2009 (âm lịch), hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chí thú làm ăn để lo cho gia đình mà thường ra ngoài uống cà phê đến tối mới về, ít khi chịu ở nhà với vợ con, ngoài ra anh T còn ăn chơi cờ bạc, vợ chồng làm ăn thất bại dẫn đến thiếu nợ nhiều người bên ngoài, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không chịu sửa đổi. Vào khoảng tháng 5/2014 thì gia đình của chị có đến ở nhờ nhà của vợ chồng chị do nhà và đất của gia đình cha mẹ chị bị quy hoạch không có nơi ở, thời gian này vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau do anh T không hòa hợp với gia đình nhà vợ, thiếu sự tôn trọng cha mẹ vợ, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu N đang sống với chị và ông bà Ngoại. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H tự ý bỏ nhà đi khi vợ chồng làm ăn thất bại dẫn đến thiếu nợ nhiều người bên ngoài, đến nay anh vẫn còn tiếp tục trả số nợ 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Vợ chồng ly thân vào khoảng tháng 10/2014 cho đến nay, thời gian ly thân anh có tới lui hàn gắn tình cảm với chị H nhưng không hàn gắn được do chị H đi làm ăn xa. Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị H anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, chị H muốn làm gì thì làm, anh không quan tâm.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu N đang sống với chị H và ông bà Ngoại. Sau khi ly hôn con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, cũng không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy

định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn vào ngày 07/10/2009 (âm lịch), hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhâu mâu thuẫn theo chị H trình bày là do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chí thú làm ăn để lo cho gia đình mà thường ra ngoài uống cà phê đến tối mới về, ít khi chịu ở nhà với vợ con, ngoài ra anh T còn ăn chơi cờ bạc, vợ chồng làm ăn thất bại dẫn đến thiếu nợ nhiều người bên ngoài, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không chịu sửa đổi. Anh T thiếu sự tôn trọng cha mẹ vợ, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau. Về phía anh T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H tự ý bỏ nhà đi khi vợ chồng làm ăn thất bại dẫn đến thiếu nợ nhiều người bên ngoài, đến nay anh vẫn còn trả, thời gian ly thân anh có tới lui hàn gắn tình cảm với chị H nhưng không hàn gắn được do chị H đi làm ăn xa, anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, chị H muốn làm gì thì làm, anh không quan tâm. Tại biên bản lấy lời khai của bà Đặng Thị T là mẹ ruột của anh T cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng của anh T làm ăn thất bại dẫn đến thiếu nợ nhiều người bên ngoài, anh T và chị H ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay, thời gian ly thân anh T có tới lui thăm vợ con và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được do chị H cương quyết ly hôn, theo bà thì anh T và chị H không có khả năng đoàn tụ với nhau. Xét thấy, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là N, sinh ngày 02/11/2011. Hiện cháu N đang sống với chị H về cuộc sống vật chất và tinh thần đã tạm ổn định, mặt khác tại văn bản ghi ý kiến ngày 16/5/2018 thì cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó nghĩ nên để chị H được tiếp tục nuôi con là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H.

Chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là N, sinh ngày 02/11/2011. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh T, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003414 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2018). Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện C;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Hoa